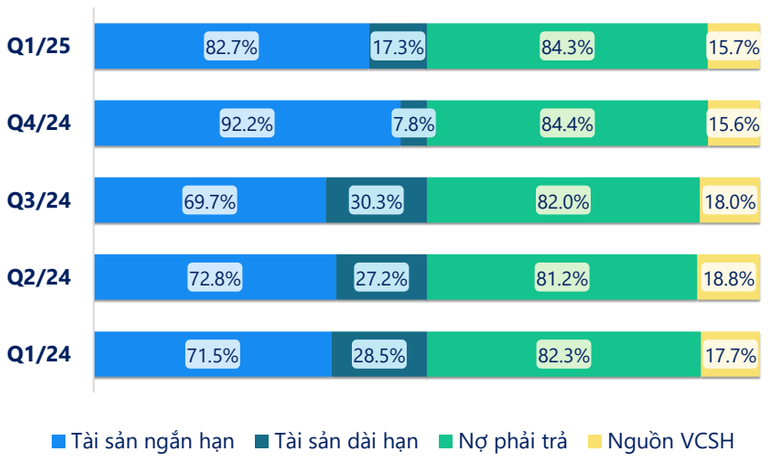
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	71,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	64,300
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,525
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,069
P/E	37.9
EPS	1,884

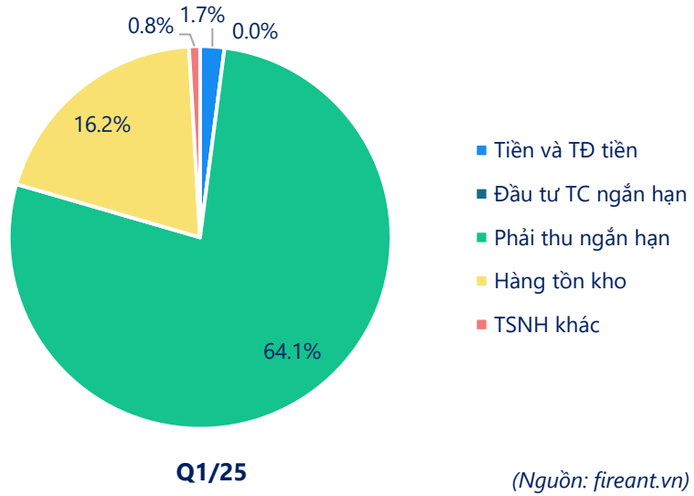
	YTD	1T	3T	6T
SCG	9.2%	9.3%	9.3%	8.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



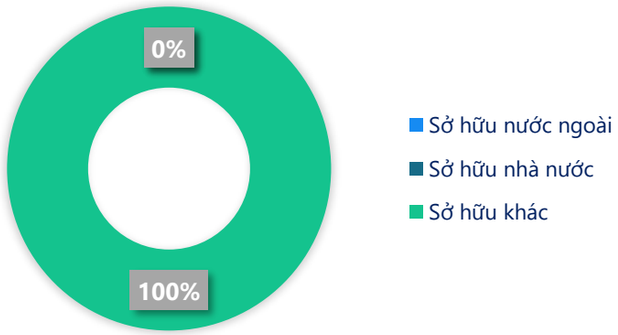
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



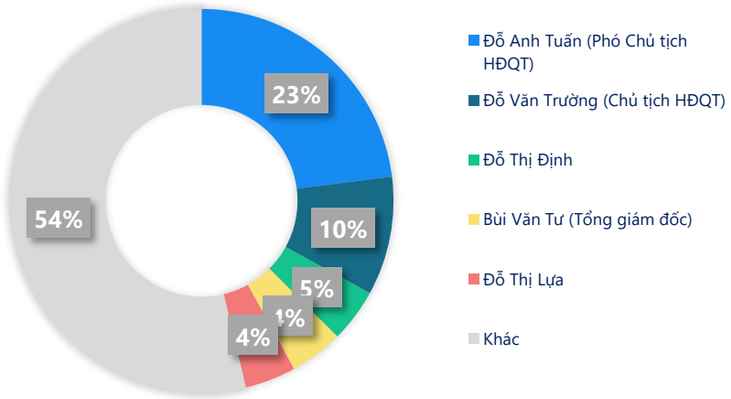
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



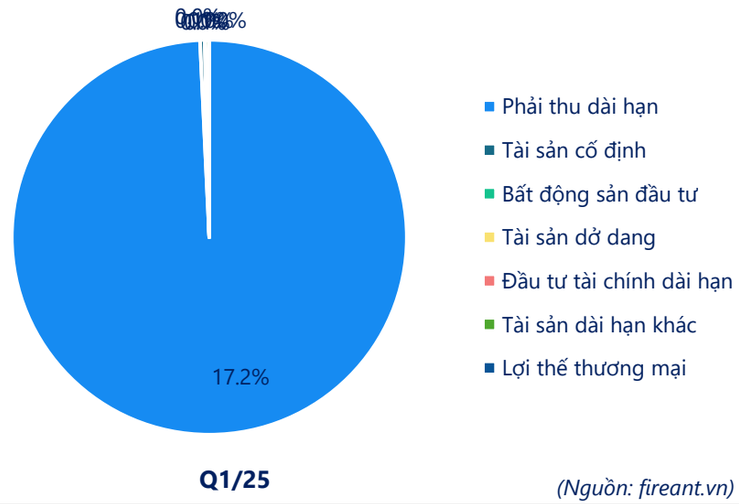
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

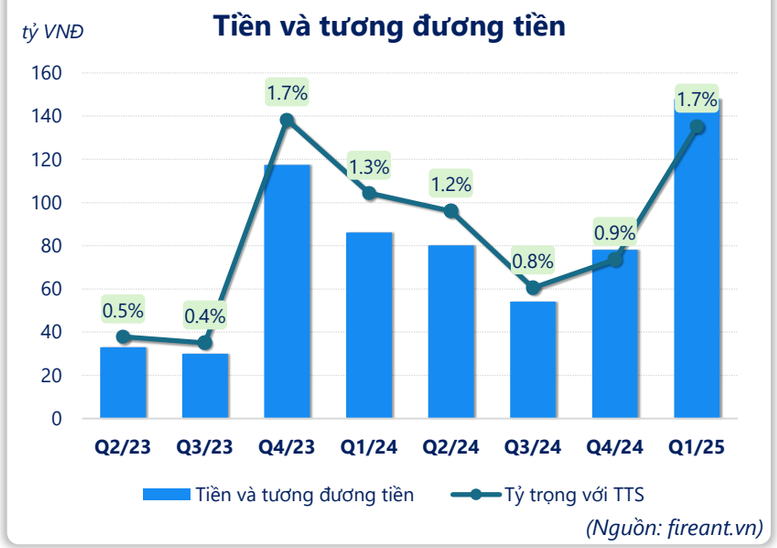


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

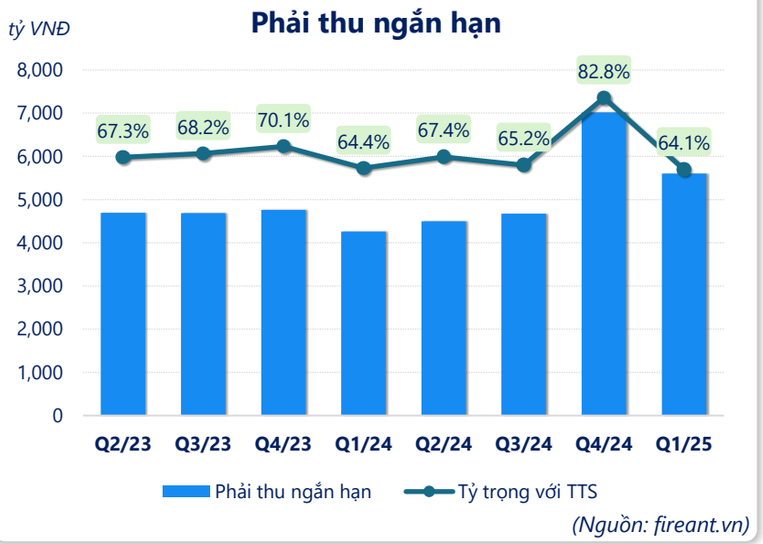
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Tiền và tương đương tiền



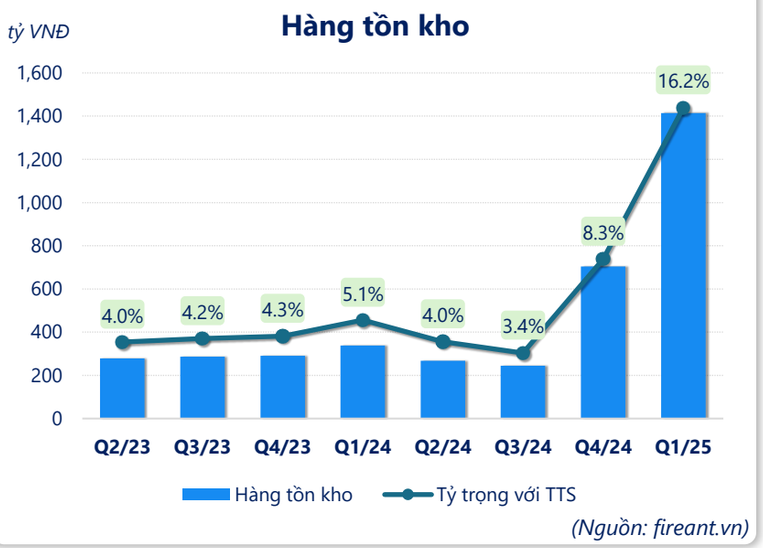
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



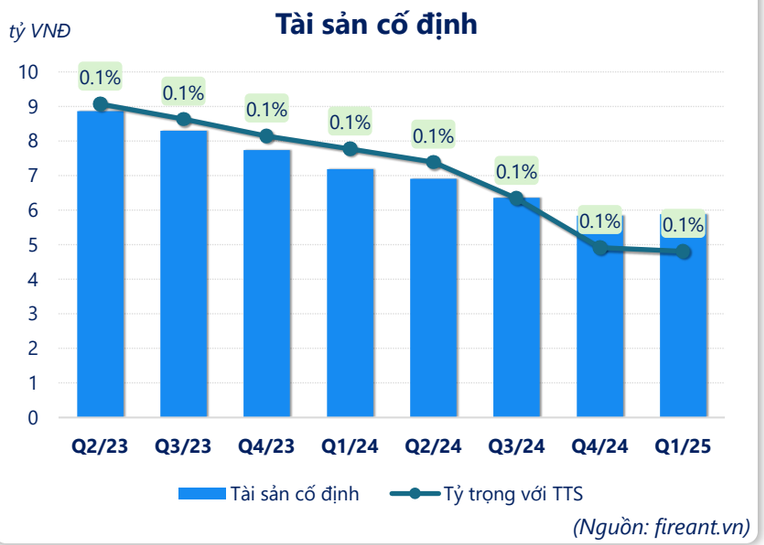
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



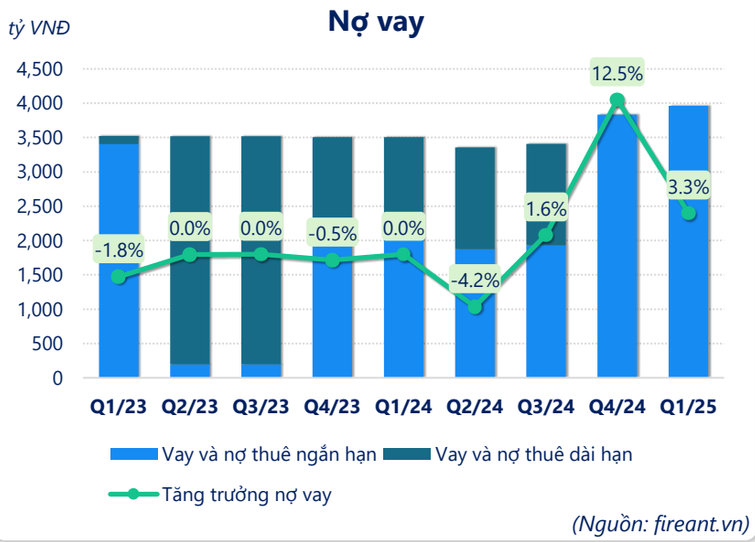
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



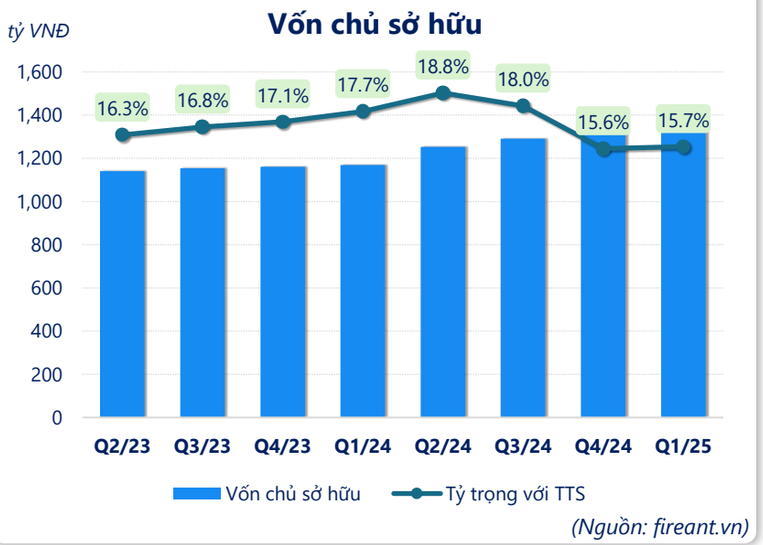
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

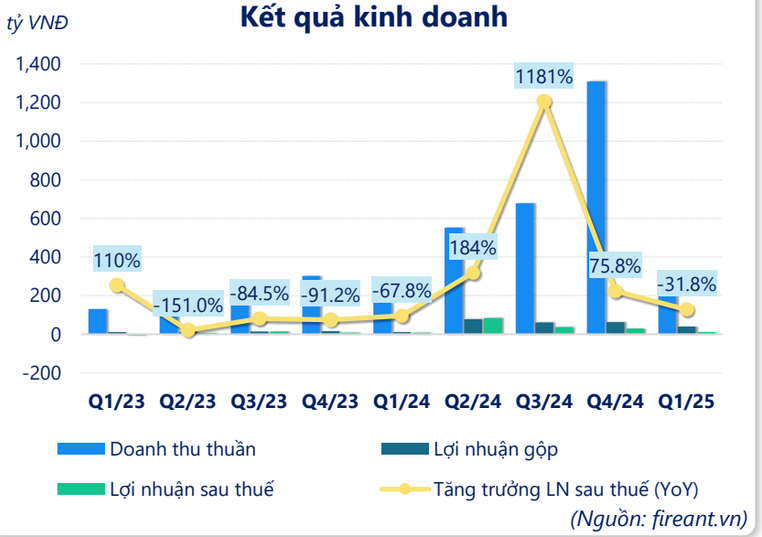


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

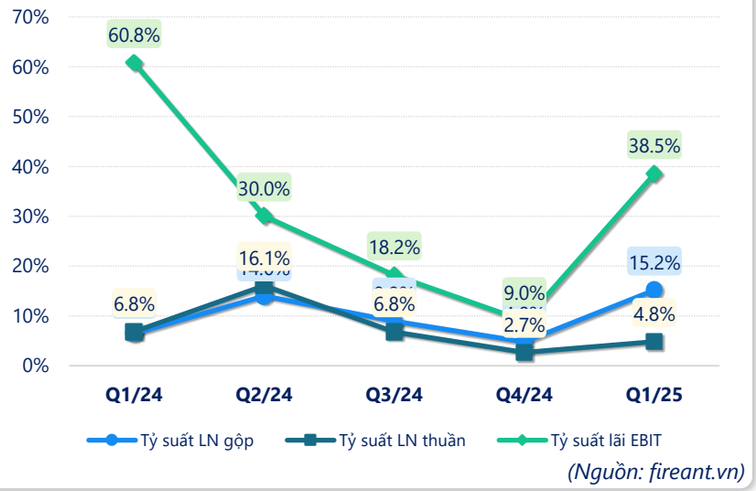
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

Kết quả kinh doanh



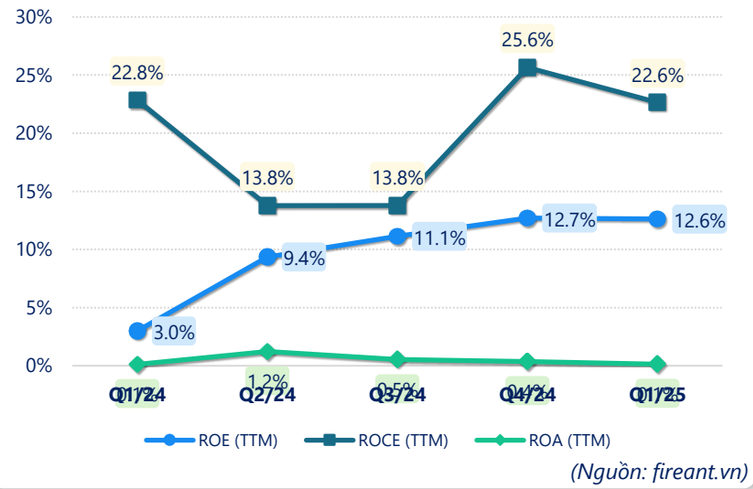
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



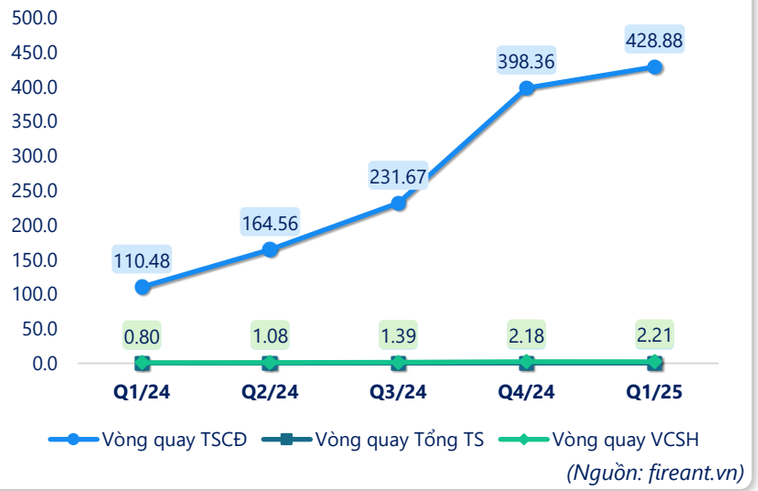
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



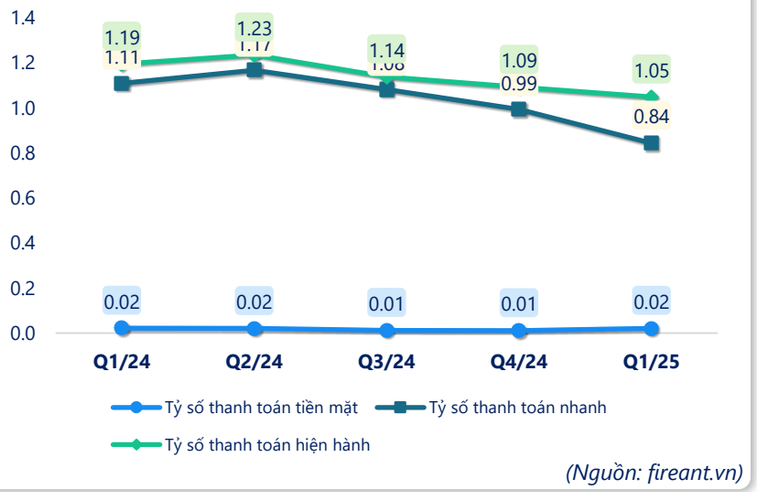
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



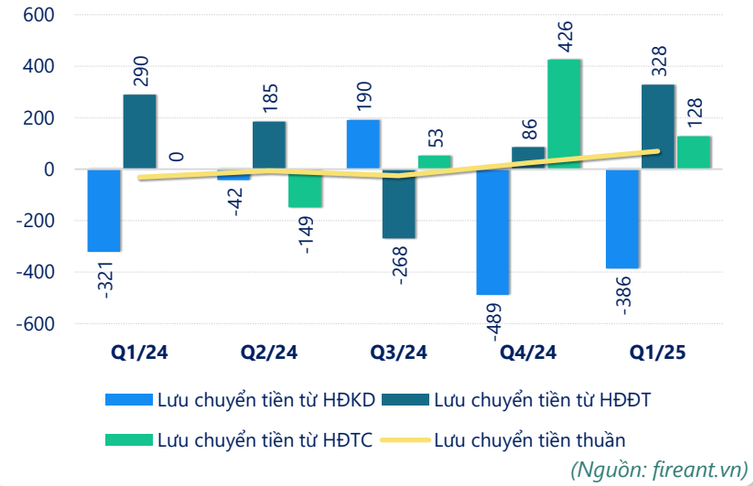
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,738**	**8,502**	**2.8%**
Tài sản ngắn hạn	7,227	6,989	3.4%
Tiền và tương đương tiền	148	78.1	89.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5,597	6,162	-9.2%
Hàng tồn kho	1,414	731	93.4%
Tài sản ngắn hạn khác	67.4	16.9	300%
Tài sản dài hạn	**1,511**	**1,513**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	1,500	1,500	0.0%
Tài sản cố định	5.88	6.35	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.64**	**5.61**	**-17.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,368	7,142	3.2%
Nợ ngắn hạn	**6,895**	**6,669**	**3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,963	3,835	3.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	874	1,067	-18.1%
Nợ dài hạn	473	473	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,370**	**1,360**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,370**	**1,360**	**0.8%**
Vốn điều lệ	850	850	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	166	553	677	1,309	263
Giá vốn hàng bán	155	476	617	1,246	223
Lợi nhuận gộp	10.7	77.3	60.6	62.8	40.0
Doanh thu HĐTC	105	107	84.3	84.4	80.9
Chi phí TC	90.6	77.3	80.8	84.2	89.2
Chi phí lãi vay	89.8	76.6	80.0	83.4	88.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0	0	0	0
Chi phí QLDN	13.8	17.8	18.1	28.0	18.9
LN thuần từ HĐKD	11.3	88.9	46.1	35.1	12.7
Lợi nhuận khác	-0.25	0.47	-2.89	-0.44	0.24
LN trước thuế	11.1	89.4	43.2	34.6	13.0
Lợi nhuận sau thuế	7.99	83.9	37.1	29.1	10.9
LNST của CĐ cty mẹ	8.18	83.8	37.1	28.5	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-321	-42.4	190	-489	-386
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	290	185	-268	86.2	328
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-149	52.6	426	128
Tiền đầu kỳ	117	86.1	80.1	54.2	78.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.2**	**-6.01**	**-26.0**	**23.9**	**69.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	86.1	80.1	54.2	78.1	148

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic